

# KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA HUYỀN NGHĨA

## QUYỂN 3 (HẠ)

Đối với cảnh của hai đế để nói rõ trí tức là Quyền trí và Thật trí. Chơn đế và Tục đế ở trên đã khai mở bảy loại trí, nay Thật trí và Quyền trí cũng khai mở làm bảy phần tức trong ngoài “tương tức” và không tương tức làm Tứ đế. Và ba tướng tiếp tục hợp thành bảy loại. Nếu đối với luận cứ bên trên mà kể ra tức là: Hai trí Quyền và Thật của Tích pháp, hai trí của Thể pháp, hai trí của Thể pháp bao hàm Trung đạo, hai trí của Thể pháp hiển bày Trung đạo, hai trí của Biệt giáo, hai trí của Biệt giáo bao hàm Viên giáo, và hai trí của Viên giáo, Bảy loại hai trí này, mỗi loại lại triển khai theo tùy tình, tùy tình trí và tùy trí” hợp thành hai mươi một loại đế. Nay bảy loại hai trí cũng đều khai mở ba loại. Nghĩa là Quyền trí và Thật trí của “hóa tha”, Quyền trí, Thật trí của “tự hành” và “hóa tha”, Quyền và Thật trí của tự hành hợp làm hai mươi một Quyền và Thật trí.

Nếu là hai trí Quyền và Thật của Tích pháp thì chiếu soi vạn tượng phân biệt làm Quyền trí và diệt hết vạn tượng phân biệt làm Thật trí. Nói hai trí này để phù hợp nhiều loại duyên, tạo ra nhiều cách nói, tùy vào nhiều loại ưa muốn, nhiều loại cơ nghi, nhiều thứ đối trị và nhiều thứ ngộ hiểu, mỗi đều tùy khả năng có thể diễn ra trước mắt duyên theo phân biệt. Tuy lại có nhiều thứ nhưng đều là chỗ thu nhiếp của Thật trí và Quyền trí thuộc Tích pháp cho nên có hai trí hóa tha. Hai trí của “hóa tha” tùy thuộc duyên ở cảnh, để nói đều gom làm Quyền trí. Nếu nội tâm tự chứng đắc quyền hoặc thật đều là thực chứng thì gom làm Thật trí. Do trong, ngoài đối chiếu nhau để cùng tạo thành hai trí cho nên có hai trí Quyền và Thật của “tự hành” và “hóa tha”. Lại xét theo tự mình chứng quyền và thật thì chỉ có một mình hiểu rõ, người khác không biết, rồi lại phán quyết quyền và thật cho nên có hai trí của



tự hành. Nay lại căn cứ ở Tam tạng giáo tiếp tục phân biệt cái trí đây: Phật giáo hóa hàng nhị thừa thì đa phần dùng Thật trí của hóa tha và hàng nhị thừa lãnh thọ thật trí của sự giáo hóa này mà tu tập thành Thật trí của tự hành. Do đó Phật ấn chứng cho Ngài Ca diếp: “Ta và ông đều ngồi ở tòa giải thoát” tức là nghĩa này. Nếu Phật giáo hóa Bồ-tát thì đa phần dùng Quyền trí của hóa tha còn Bồ-tát lãnh thọ Quyền trí của hóa tha này tu học mà đạt được Quyền trí của tự hành. Phật cũng ấn định nói “Ta cũng như ông v.v...” Ba loại hai trí này nếu đối chiếu với hai trí của Thể pháp tức đều là quyền trí. Vì thế, Ngài Long Thọ phá mà nói “Há có trong tâm bất tịnh mà tu Bồ-đề đạo! Giống như cái bát độc không thể đựng thức ăn nếu ăn tức gây chết người” Đây là ý chính để phá Tích pháp cho nên đều là Quyền trí.

Thật trí và Quyền trí của Thể pháp tức là sắc thể của vạn tượng là không và “tức sắc” là Quyền trí, “tức không” là Thật trí. Đại Phẩm nói “tức sắc là không chứ chẳng phải sắc diệt mới không” chính là nghĩa này. Vì duyên mà nói có hai thứ. Và duyên riêng biệt bất đồng nên nói cũng có nhiều loại. Tuy lại nói khác nhau nhưng đều là chỗ thu nhiếp của Thật trí và Quyền trí thuộc “hóa tha” cho nên có hai trí của hóa tha. Hai trí của “hóa tha” đã là tùy tình nên đều buộc làm Quyền trí. Thật trí và Quyền trí của nội chứng đã là tự chứng nên đều gọi là Thật trí. Vì Thật trí của tự chứng đối với Quyền trí của hóa tha cho nên có hai trí của tự hành và hóa tha. Vì căn cứ ở tự chứng đặc lại phân làm Quyền trí và Thật trí cho nên có hai trí của tự hành. Ba loại hai trí này đối chiếu với hai trí bao hàm Trung đạo thì đều gọi là Quyền trí. Vì sao? Vì không có trung đạo v.v...

Hai trí quyền, thật của Thể pháp bao hàm trung đạo nghĩa là thể sắc tức không, bất không chiếu soi sắc là quyền trí còn không và bất không là thật trí. Nói hai trí này đến với vô lượng duyên và tùy tình mà nói khác. Tuy lại vô lượng nhưng tất cả đều thuộc về hai trí bao hàm Trung đạo. Cho nên có hai trí của “hóa tha”. Hai trí “hóa tha” vốn hợp với căn cơ nên đều gọi là Quyền trí. Hai trí của tự chứng đều gọi là Thật trí. Đối với hai trí của tự chứng lại phân ra quyền và thật, cho nên có hai trí của tự hành. Ba loại hai trí này so với hai trí hiển lộ Trung đạo thì đều là Quyền trí. Vì sao? Vì còn vướng ở “không” chơn thật và giáo đạo phương tiện.

Hai trí quyền thật của Thể pháp hiển lộ Trung đạo nghĩa là thể (nhập) sắc tức không và bất không, tất cả pháp đều hướng đến “không và bất không” nên hiểu rõ sắc là Quyền trí. Tất cả pháp của không và

bất không hướng đến không và bất không là Thật trí. Vì duyên mà nói có hai thứ. Do duyên đã vô lượng nên vô lượng cách nói. Nói vô lượng mà thấy đều thuộc về hai trí hiển lộ Trung đạo cho nên có hai trí “hóa tha”. Hai trí “hóa tha” đã là tùy duyên nên đều gọi là Quyền trí. Hai trí của tự chứng đã là chứng đắc nên đều gọi là Thật trí. Vì tự chứng đối chiếu với tha cho nên có hai trí của tự hành và hóa tha, dựa theo hai trí của tự chứng lại phân làm quyền và thật. Ba loại hai trí này so với hai trí quyền và thật của Biệt giáo thì đều là Quyền trí. Vì sao? Vì còn vương “tức không và giáo đạo phương tiện.

Hai trí quyền và thật của Biệt giáo nghĩa là thể “sắc tức không và, bất không”. Sắc và không đều là Quyền trí còn bất không là Thật trí.

Vì hai trí này tùy thuộc trăm, ngàn duyên nên có nhiều thứ phân biệt. Phân biệt tuy nhiều nhưng đều là chỗ thu nhiếp thứ tự của hai trí này cho nên có hai trí của “hóa tha”. Hai trí của “hóa tha” đều là làm duyên nên đều gọi là Quyền trí. Hai trí của tự chứng đã là chứng đắc nên đều gọi là Thật trí. Vì “tự” đối với “tha” cho nên có hai trí tự hành hóa tha, dựa theo tự chứng thật và quyền, tự nó tự phân làm hai trí nên có hai trí của tự hành. Ba loại hai trí này so với hai trí của Biệt giáo bao hàm Viên giáo thì đều là Quyền trí. Vì sao? Vì còn thứ bậc, và vương ở giáo đạo.

Hai trí quyền, thật của Biệt giáo bao hàm Viên giáo, nghĩa là sắc, không, bất không và tất cả pháp hướng đến “bất không”. Thể nhập Sắc, không gọi là Quyền trí, thể nhập tất cả pháp hướng đến “bất không” là Thật trí. Hai trí này cũng tùy thuộc vào trăm ngàn duyên nên có nhiều thứ phân biệt. Phân biệt tuy có nhiều thứ nhưng đều thuộc về hai trí của

Biệt giáo bao hàm Viên giáo cho nên có hai trí của “hóa tha”. Hai trí của “hóa tha” đã là làm duyên cho nên đều là Quyền trí. Hai trí của tự chứng đã là chứng đắc cho nên đều là Thật trí. Tự và tha đối chiếu nhau cùng làm hai trí. Dựa theo tự chứng đắc lại phân ra thật và quyền cho nên có hai trí tự hành. Ba loại hai trí này so với hai trí của Viên giáo thì đều là Quyền trí. Vì sao? Vì còn thứ bậc và vương ở giáo đạo.

Hai trí quyền và thật của Viên giáo nghĩa là thể nhập: tức sắc là không và bất không, tất cả pháp hướng đến sắc, hướng đến không, hướng đến “bất không” Thể nhập tất cả pháp hướng đến sắc và không tức là Quyền trí. Thể nhập tất cả pháp hướng đến “bất không” tức là Thật trí. Như đây, Thật trí chính là Quyền trí và Quyền trí cũng chính là Thật trí, không có hai trí sai biệt. Vì giáo hóa chúng sanh nên có nhiều thứ tùy duyên, tùy ưa muốn, tùy cơ nghi, tùy đối trị, tùy ngộ hiểu. Tuy nói nhiều thứ nhưng đều thuộc về hai trí của Viên giáo cho nên có hai

trí của hóa tha. Hai trí của hóa tha đã tùy tình nên đều gọi là Quyền trí còn hai trí của tự chứng thì gọi là Thật trí. Dựa theo trong tự chứng lại phân làm hai trí cho nên có ba loại bất đồng. Hai trí này không cò vướng vào mười tám loại hai trí của Tích pháp v.v... và các phương tiện; mà chỉ có “chơn Quyền” “chơn Thật” nên được gọi là Thật trí và Quyền trí của Phật. Như kinh nói “sự thấy biết của Như Lai rộng lớn, sâu xa, các phương tiện Ba-la-mật đều đầy đủ”. Duy nhất hai trí này tương xứng Diệu còn đối với trước đều là thô. Lại nữa, từ hai trí của Tích pháp đến hai trí hiển lộ trung đạo gồm có mười hai loại hai trí nếu đối đãi với trước thì gọi là thô còn hai trí hiển bày trung đạo thì gọi là diệu. Vì sao? Vì diệu này không khác với diệu sau. Lại nữa, từ hai trí của “thứ bậc” trở xuống gồm có chín loại hai trí nhưng nếu đối với trước thì gọi là thô còn không có thứ bậc thì gọi là diệu. Lại nữa, mười tám loại hai trí trước đều là thô chỉ có ba loại không thứ tự là diệu. Lại nữa, trong ba loại “không thứ tự” thì có hai loại là thô còn một loại là diệu.

Lại trải qua năm vị giáo nghĩa là Nhũ giáo có đủ ba loại “chín loại hai trí” Lạc giáo có một loại “ba loại hai trí”, Sanh tô giáo có bốn loại “mười hai loại hai trí”, Thục tô giáo có đủ ba loại “chín loại hai trí”. Nhưng kinh này chỉ nói hai loại “ba loại hai trí”. Nếu Quyền và Thật trí trong Lạc giáo đều là thô thì quyền và thật trí trong Đề hồ giáo là diệu. Còn Quyền và Thật trí trong ba vị giáo còn lại đều có thô, có diệu thì có thể dùng ý để hiểu rõ. Nếu không tạo ra cách giải thích các trí như trên thì đối với ý của kinh, luận nói khác nhau khó có thể hiểu được. Vì sao? Vì kinh Hoa Nghiêm giải thích tâm ở bậc Sơ trụ rằng: “ba đời chư Phật không biết trí của bậc Sơ trụ”. Người đời giản thích rằng: Trí tuệ như thật, Phật không thể tự biết trí tuệ. Như thật của Phật cũng không biết được trí như thật của bậc Sơ trụ. Đây giải thích tự cho rằng thông suốt lý, nhưng thật ra không đầy đủ. Nếu căn cứ vào Phật của Tạng giáo, Thông giáo v.v... thì không luận đến trí tuệ như thật, sao gọi là trí tuệ như thật của tự thân mà không biết? Sơ trụ của Biệt giáo không đạt được trí tuệ như thật, tại sao nói không biết? Nếu đạt được ý của các trí từ trước đến nay thì Phật thuộc Tam tạng giáo của ba đời không biết trí tuệ của bậc Sơ trụ thuộc Viên giáo. Như vậy việc giải thích cả sự và lý đều không có vướng ngại. Và nghĩa này trong đó bao gồm có hai loại: Một là phân biệt hai mươi một loại Thật và Quyền trí. Hai là đối với thô mà luận về diệu như trên nói. Nếu khai mở thô để hiển bày diệu thì các đế phương tiện đã dung thông thành diệu đế. Đối với đế mà lập trí tức đều không phải là thô. Như nhà cửa người bần tiện, nếu vua ghé qua thì nhà ấy trở

nên trang nghiêm. Như các dòng nước đổ ra biển thì đều trở thành một vị mặn. Cũng thế, việc khai mở các trí thô tức là trở thành diệu trí.

Hai trí này có nhiều chỗ liên quan nên phải dẫn đo lường giải mỗi loại thông suốt. Nay đối với bảy loại hai đế để nói rõ hai mươi một loại thật và quyền trí làm chướng môn. Nếu thấu rõ ý này thì việc ước định cảnh của nhân duyên cũng nên như vậy. Nghĩa là trí của nhân duyên phân tích, trí của nhân duyên thể nhập, trí của nhân duyên bao hàm Trung đạo, trí của nhân duyên hiển bày Trung đạo, trí của nhân duyên thứ bậc, trí của nhân duyên còn vương thứ bậc, trí của nhân duyên không có thứ bậc. Tất cả đều có ba loại phân biệt: Tự hành Hóa tha và Tự hành, hóa tha... hợp thành hai mươi một loại phân biệt thô và diệu. Nếu phán định theo năm vị giáo thì luận ít hoặc nhiều về nghĩa đối đãi và tuyệt đãi v.v... Đối với cảnh Tứ đế, ba đế và một đế v.v... cũng nên như vậy mà tự tư duy, đâu cần ghi chép đủ.

Hỏi: Tùy tình đế và trí của hóa tha ý gì lại vô lượng? Tùy trí đế và trí tự hành ý gì không có nhiều? Đáp: Chỉ dựa trên một người khi chưa đạt đạo đã thấy tâm tung hoành khởi lên tà chấp vô cùng, hướng hồ nhiều người có nhiều hình thái khác. Vì nghĩa này cho nên tùy tình tức là nhiều. Nhưng người trí thấy lý thì lý chỉ có một loại chứ không thể có khác v.v... Đối với hai đế có sự sai biệt thì như trên đã nói.

Nói bảy loại thật và quyền, hai mươi một loại thật và quyền trí thì lại dùng nghĩa vốn chấp của người đời chăng? Lại đồng với có thuyết đã nói của người đời chăng? Lại dùng nghĩa đã thiết lập của các luận chăng? Đã không theo người đời, cũng theo văn sở chỉ chuyên làm rõ hơn kinh của tiểu và đại thừa mà giải thích như thế đó thôi! Nếu phá hoặc lập thì đều là ý của Pháp Hoa. Nếu là để khéo léo và vụng về so với nhau thì dùng hai trí của kinh thuộc Thông giáo phá hai trí của kinh thuộc Tam tạng giáo. Cho đến thứ bậc và không thứ bậc so với nhau thì dùng hai trí của kinh thuộc Viên giáo phá hai trí của kinh thuộc Biệt giáo. Các kinh Phương tiện nói rõ trí đã thô thì Luận của Thông giáo kinh há được diệu sao! Kinh, luận đã như vậy thì người hoằng truyền Kinh luận tại sao một nhọc công kích, rồi nhận lấy những sở thuyết ấy, chính mình có chấp rơi vào. Nếu đem “sinh diệt” để giải thích Quyền và Thật trí thì rơi vào loại hai trí đầu. Nếu đem “không sanh không diệt” để giải thích thì rơi vào loại hai trí thứ hai cho đến loại thứ bảy cũng có thể biết. Lại nữa nếu phóng túng rộng dẫn ra kinh, luận để tô điểm nghĩa của mình thì cũng không thể nêu ra hai trí quyền thật hóa tha của hai đế tùy tình ban đầu hướng hồ nêu ra Quyền trí và Thật trí thuộc loại ban đầu,

thứ hai và thứ ba? Như vậy, còn không thể nêu ra ba loại quyền và thật của loại ban đầu hưởng hồ ba loại quyền và thật thuộc loại thứ bảy? Nếu chỉ lấy hai trí của loại ban đầu mà phá tất cả tình chấp của thế gian, lược bỏ hết và giả sử khiến được đi vào “hóa thành” thì chỉ là Thật trí tự hành còn không thể đạt được Quyền trí của hóa tha hưởng gì có thể đạt được các trí của loại sau. Nếu khảo cứu “hai mươi mốt loại hai trí” tổng phá bao nhiêu kiến giải ngoại đạo, bao nhiêu kinh luận thuộc Quyền thì lại hiển bày bấy nhiêu ấy đồng thời lập bấy nhiêu kinh luận ấy thuộc Quyền, sau đó mới gọi là “điều quyền, điều thật” (quyền trí vi điều và thật trí vi điều). Người đời hoàn toàn không biết một ý của hai loại Thật và Quyền trí nhưng từ trong tình phạm tức liền tính toán làm trí. Nếu là trí thì phá hoặc chướng nào để thấy lý nào? Nếu chưa thấy lý, chưa phá được hoặc, sanh tử tự nhiên vậy, chẳng phải tình phạm tại sao nói? Nay nếu đối với các trí thô trước mà nói rõ “điều trí” thì là ý phá đối đãi của kinh Pháp Hoa. Nếu hội tụ các trí đó thì tất cả đế lý của các Kinh Luận thuộc quyền đều trở thành “điều lý” đều là “Trí địa”. Nếu hội tụ hai trí của tất cả Kinh Luận thuộc Quyền đã nói thì không gì không phải “điều trí”, tất cả đều là “xe lớn”. Như đây là phá mà hội nhập sâu rộng, không nên đem Trung luận ra để cùng so sánh. Hãy suy nghĩ kỹ càng v.v...!

Đối với cảnh ba để nói rõ trí tức như trên đã nói rõ năm loại ba để, nay phân biệt thêm. Phạm có ba trí chiếu soi mười pháp giới thì gom mười thứ làm ba. Nghĩa là hữu lậu, vô lậu, chẳng phải hữu lậu chẳng phải vô lậu. Ba loại pháp này hòa nhập vào nhau phân biệt mà có năm thứ:

1. Chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu nhập vào vô lậu đối với hữu lậu và vô lậu làm ba pháp.
2. Tất cả pháp nhập vào vô lậu và đối với hữu lậu và vô lậu phân làm ba pháp.
3. Hữu lậu, vô lậu và chẳng phải hữu lậu chẳng phải vô lậu làm ba pháp.
4. Tất cả pháp hướng đến chẳng phải hữu lậu chẳng phải vô lậu, đối với hữu lậu và vô lậu làm ba pháp.
5. Tất cả pháp hướng đến hữu lậu, hướng đến vô lậu, hướng đến chẳng phải hữu lậu chẳng phải vô lậu làm ba pháp.

Nói rõ về năm cảnh đã xong, nay đối với năm cảnh này để nói rõ ba trí của năm cảnh. Nghĩa là Nhất thiết trí, Đạo chủng trí và chủng trí, Nhất thiết chủng trí. Ba trí hòa nhập với nhau thành năm loại bất đồng:

1. Trí trung đạo nhập vào “trí không” và đối với “đạo trí” làm ba loại:

2. Trí của Như Lai tạng nhập vào “trí không” và đối với “đạo trí” làm ba loại; 3. Trí trung đạo đối với hai trí trên làm ba trí; 4. Trí của Như Lai tạng nhập vào trí trung đạo đối với hai trí tạo nên ba trí; 5. Ba trí viên mãn. Đó là năm loại sai biệt.

Trí trung đạo nhập vào “trí không” phân biệt làm ba loại trí tức là ban đầu nương vào vô lậu để phát khởi Nhất thiết trí. Kế đến nương vào hữu lậu để phát khởi “đạo chủng trí” và sau quán sát sâu xa về “không” của vô lậu. Do biết “không” cũng “không” cho nên phát khởi Nhất thiết trí. Tuy nhiên tâm ban đầu không biết “không không” tâm kế đến tuy đạt được “không” nhưng cũng không thể biết “không không”. Sau cùng có khả năng quán sát sâu sắc đối với “không không” đối với “không” trước chỉ là hai “không”. Do đồng với hai cảnh và cũng thích hợp cho nên nói là hòa nhập với nhau. Nay nếu phân biệt thì dùng không của vô lậu, làm Nhất thiết trí; “không” của hữu lậu, làm “đạo chủng trí”; và không của trung đạo, làm Nhất thiết chủng trí. Người đời tìm xét ý của kinh luận mà cho rằng: Địa thứ sáu đoạn hoặc chương cùng với La-hán bằng nhau. Địa thứ bảy tu đạo phương tiện, địa thứ tám tu đạo và quán song hành, phá trừ vô minh thành Phật” tức là ý này.

Trí của Như Lai tạng nhập vào “trí không” phân biệt làm ba trí tức là nương vào hữu lậu và vô lậu mà phát khởi “Nhất thiết trí và Đạo chủng trí”, không khác với trước nhưng sau không có nhân nơi biệt cảnh, lại tu thêm trí trung đạo. Tuy nhiên, quán sâu sắc về “không” có thể thấy “bất không” mà “bất không” tức là Như Lai tạng. Như Lai tạng và “không” hòa hợp với nhau cho nên nói là “tương nhập”. Vì “quán không” sâu sắc thấy được “bất không” cho nên phát khởi “nhất thiết chủng trí”. Trí trung đạo trước chỉ hiển bày lý riêng biệt nhưng lý và trí không đầy đủ các pháp. Tạng lý và Tạng trí do đầy đủ tất cả pháp cho nên khác với trước. Đây là lấy Tạng trí đối với hai trí làm ba trí. Đại kinh nói “Thanh văn chỉ thấy không mà không thấy “bất không”. Người trí thấy “không” và thấy cả “bất không”. Đại Phẩm nói “Nhất thiết trí là trí của Thanh văn, Đạo chủng trí là trí của Bồ-tát Nhất thiết chủng trí là trí của Phật” tức là ý này.

Trí trung đạo đối với hai trí tạo thành ba trí tức là mỗi duyên một cảnh đều phát khởi một trí. Kế đến do sâu cạn khác biệt không cùng nhau tương nhập. Cho nên kinh Địa Trì nói “Chủng tánh Bồ-tát phát khởi tâm muốn trừ diệt hai chương có Phật hay không có Phật đều quyết định có thể thứ tự đoạn trừ các phiền não” tức là ý này.

Trí của Như Lai tạng nhập trí trung đạo làm ba trí tức là hai trí



không khác trước còn “nhứt thiết chủng trí” thì có hơi khác. Vì sao? Vì trước nói rõ cảnh của trung đạo trực tiếp nhập vào lý của trung đạo mà thôi, muốn hiển bày lý này thì phải tu vạn hạnh. Vì hiển bày trí của lý cho nên gọi là Nhứt thiết chủng trí. Nay lý của Như Lai tạng bao hàm tất cả pháp chứ chẳng phải trực tiếp hiển bày trí của lý nên gọi là Nhất thiết chủng trí. Và vì trước làm khác biệt nên dùng trí này đối với trước mà trở thành ba trí. Địa Luận Sư nói “duyên tu mà hiển bày chơn tu nhưng khi chơn tu phát khởi thì không cần duyên tu. Hai trí trước tức là duyên tu và một trí sau, khi phát khởi tức là chơn tu. Chơn tu đầy đủ tất cả pháp chứ không phải còn sót lại” tức là nghĩa này v.v...

Ba trí viên mãn là hữu lậu tức pháp do nhân duyên sanh tức không, tức Giả, tức Trung đạo. Vô lậu cũng tức Giả, tức Trung đạo. Chẳng phải hữu lậu và chẳng phải vô lậu cũng tức không, tức Giả. Một pháp tức là ba pháp và ba pháp tức là một pháp. Một trí tức là ba trí và ba trí tức là một trí. Trí tức là cảnh và cảnh tức là trí hoàn toàn dung thông vô ngại. Như vậy thì ba trí này há đồng với trước! Thích luận nói “Ba trí đạt được trong một tâm. Không trước không sau. Vì hướng đến người nói khiến họ dễ hiểu cho nên mới đặt tên của ba trí mà nói” tức là ý này v.v...

Nếu muốn hiển bày trí tuệ thì chủ yếu phải quán sát thành tựu. Nếu tổng quát mà luận về trí quán thì đều thông suốt cả nhân, quả. Nếu riêng biệt mà nói thì chính là quán nhân mà đạt được “quả trí”. Thông thường như “Phật tánh” thông suốt cả nhân lẫn quả. Còn nói riêng biệt thì nhân là Phật tánh và quả là Niết-bàn. Nay, dựa theo nghĩa riêng biệt lấy quán làm nhân để thành tựu quả trí. Như kinh Anh Lạc nói “từ “giả quán” mà nhập và “không quán” nên gọi là quán hai đế. Từ “không quán” mà nhập vào “giả quán” thì gọi là quán bình đẳng. Hai pháp quán này làm phương tiện để nhập vào quán trung đạo và Đệ nhất nghĩa”. Nay dùng “từ giả quán” nhập vào “không quán” làm nhân để đạt được quả vị gọi là Nhất thiết trí. Dùng “từ không quán” nhập vào “giả quán” làm nhân mà đạt thành quả của Đạo chủng trí. Dùng “trung quán” làm nhân nên thành đạt quả Nhứt thiết chủng trí. Theo như ở trên nói thì trí giản lược có năm loại. Nay lấy quán thành tựu cũng có năm loại. Cách trình bày chi tiết như vậy có thể biết. Tu quán với nghĩa cũng như chỉ, quán v.v...

Nói Thô và Diệu thì Phật của Tạng giáo và Thông giáo tuy có một tên gọi “nhất thiết chủng trí” nhưng lại không có lý riêng biệt, không phá hoặc riêng biệt. Trí này không thành cho nên không dùng đến. Trung quán nhập vào “trí không” tuy nói là nhân của trung đạo thông

suốt giáo môn nhưng thành hai trí. Về sau do chiếu soi trung đạo nhưng không có dụng rộng lớn, nhân đối với giáo vụng về, quả lại không có viên dung cho nên gọi là thô. Kế đến, Như lai tạng nhập vào “trí không” tức giáo, quả, lý tuy viên dung nhưng nhân là “thông môn” nên cũng gọi là thô. Trung đạo đối với hai trí tuy không có nhân, thông suốt nhưng ba trí khác biệt, và quả, giáo chưa viên dung cho nên nói là thô. Như Lai tạng nhập vào trung đạo ở tại quả chứng, tuy viên dung nhưng nhân lại là môn riêng biệt nên nhân này cũng là thô. Ba trí viên mãn tức là nhân tròn quả tròn, nhân diệu quả diệu, đế diệu trí diệu. Do chính “xả bỏ phương tiện mà chỉ nói đạo vô thượng” cho nên là “diệu trí”.

Nếu căn cứ vào năm vị giáo thì Như giáo có ba loại ba trí “Lạc giáo” có một loại ba trí, Sanh tô giáo có đủ năm loại ba trí, Thực tô giáo cũng có đầy đủ năm loại ba trí. Như vậy, diệu và thô được trình bày rõ nên chúng ta có thể biết. Nay Pháp Hoa chỉ có một loại ba trí nghĩa là ý phá của Pháp Hoa chính là Diệu đối đãi nhau vậy. Khai mở thô để nói rõ diệu tức là trí thế gian không có đạo pháp còn dùng tà tướng nhập vào chánh tướng đối trị nghiệp sanh sản, đều cùng với Thật tướng không thể đối nghịch nhau. Như “cúi đầu chấp tay” là khai mở thô hiển bày diệu là “đều thành Phật đạo” hướng gì trí tuệ xuất thế của hàng ba thừa! Do đó, Đại kinh nói “Thanh văn, Duyên giác cũng thật cũng hư: Vì đoạn trừ phiền não cho nên gọi đó là thật và vì chẳng phải thường trụ cho nên gọi đó là hư. Phạm phu chưa đoạn trừ phiền não nên không có thật, chỉ có hư. Mà vẫn được khai mở “thô” để nhập vào diệu tức trở thành đại thừa hướng gì là trí tuệ của hàng nhị thừa! Trí tuệ của hàng nhị thừa với căn diệt tâm chết rồi còn sanh lại hướng gì là đạo chủng trí! Như đây mà khai mở thì tất cả đều vi diệu không gì chẳng phải Thật tướng. “Xe lớn bằng bảy báu thì số ấy thật vô lượng”. Đây là ý hội tụ của kinh Pháp Hoa tức là Diệu tuyệt dứt đối đãi.

Đối với cảnh một đế để nói rõ trí tức là trí Như thật. Thích Luận nói “các dòng nước chảy vào biển đều đồng một vị mặn. Các trí nhập vào như thật trí mà mất danh tự gốc cho nên biết Như thật trí tổng nhiếp Nhứt thiết trí, hoàn toàn chiếu soi một cảnh. Như tất cả dòng nước đều thành một vị mặn. Nếu đối đãi với mười trí là thô còn Như thật trí là diệu. Nếu đối đãi với các thật trí thì các thật trí là thô còn Như thật trí của Trung đạo thì gọi là diệu. Nếu khai mở thô để hiển bày diệu thì chẳng những các thật trí là diệu mà mười trí cũng gọi là diệu v.v..

Đối với cảnh “vô đế vô thuyết” nghĩa là đã nói “vô đế” thì cũng lại vô trí. Nếu căn cứ vào các xứ có nói rõ “vô đế” thì vô đế và vô trí

của phương tiện khác làm thô. Còn vô đế và vô trí của trung đạo là diệu. Nếu vô đế và vô trí bất dứt ngôn từ thì cũng không có thô cũng không có diệu, không có đối đãi, không có tuyệt dứt và đi qua tất cả pháp đều không có thô cũng không có diệu.

Việc triển chuyển cùng chiếu soi nhau tức là sáu trí truyền nhau chiếu soi các cảnh trước. Trí bậc hạ và bậc trung của nhân duyên “có thể nghĩ bàn” chiếu soi tánh tướng v.v... thuộc “mười như” của sáu đường hai trí bậc hạ và trung quán sát mười hai nhân duyên diệt tức là chiếu soi tánh tướng v.v... thuộc “mười như” của nhị thừa. Trí tuệ bậc thượng chiếu soi tánh tướng của Bồ-tát. Trí bậc thượng thượng chiếu soi tánh tướng bản mặt v.v... pháp giới của Phật.

Trí tuệ của bốn loại Tứ đế chiếu soi mười pháp giới tức là: Trí Khổ, tập của Sanh diệt, Vô sanh diệt v.v... chiếu soi tướng, tánh thuộc “mười như” của sáu đường. Trí Diệt, Đạo của Sanh diệt và Vô sanh diệt tức chiếu soi tánh tướng thuộc “mười như” của hàng Nhị thừa. Trí Khổ, Tập của Vô lượng Vô tác Tứ đế chiếu soi tánh, tướng v.v... của pháp giới Bồ-tát. Trí Diệt Đạo của Vô lượng, Vô tác Tứ đế chiếu soi cảnh tánh tướng bản mặt v.v... của pháp giới Phật.

Trí bốn loại Tứ đế chiếu soi bốn loại mười hai nhân duyên: Trí của khổ, tập thuộc Sanh diệt và Vô sanh Tứ đế chiếu soi hai loại mười hai nhân duyên sanh có thể nghĩ bàn”. Trí của đạo và diệt thuộc Sanh diệt và Vô sanh diệt Tứ đế tức chiếu soi hai loại mười hai nhân duyên diệt... có thể nghĩ bàn”. Trí của Khổ và Tập thuộc Vô lượng Vô tác Tứ đế chiếu soi hai loại mười hai nhân duyên “không thể nghĩ bàn”. Trí của đạo, diệt thuộc Vô lượng, Vô tác Tứ đế chiếu soi hai loại mười hai nhân duyên diệt “không thể nghĩ bàn”.

Bảy loại hai trí chiếu soi mười pháp giới tức là: Hai trí quyền của Sanh diệt, Vô sanh diệt và hai trí nhập vào Thông giáo v.v... hợp thành bốn Quyền trí chiếu soi tánh, tướng của sáu đường. Hai Thật trí của Sanh diệt Tứ đế và Vô sanh diệt Tứ đế chiếu soi tánh, tướng v.v... của hàng Nhị thừa. Quyền trí của Biệt giáo và Quyền trí hữu biên (có giới hạn) của Viên giáo nhập vào Biệt giáo thì chiếu soi tánh tướng của sáu đường còn Quyền trí vô biên thì chiếu soi tánh tướng của hàng Nhị thừa. Quyền trí của Viên giáo tức thông suốt chiếu tánh tướng của chín pháp giới. Thật trí “Không biên” của Biệt giáo nhập vào Thông giáo tức là chiếu soi tánh tướng của nhị thừa còn Thật trí “bất không” thì chiếu soi tánh tướng của Bồ-tát. Thật trí “Không biên” của Viên giáo nhập vào Thông giáo tức chiếu soi tánh tướng của hàng nhị thừa còn Thật trí “bất

không” thì chiếu soi tánh tướng thuộc cảnh giới của Phật. Thật trí của Biệt giáo tức chiếu soi tánh, tướng của Bồ-tát. Thật trí của Viên giáo nhập vào Biệt giáo và Thật trí của Viên giáo đều chiếu soi tánh tướng pháp giới của Phật.

Bảy loại hai trí chiếu soi bốn loại nhân duyên nghĩa là: bốn Quyền trí trước chiếu soi hai loại mười hai nhân duyên có thể nghĩ bàn. Quyền trí của Biệt giáo và Quyền trí “hữu biên” của Viên giáo vào Biệt giáo tức chiếu soi hai loại mười hai nhân duyên có thể nghĩ bàn, còn Quyền trí “vô biên” thì chiếu soi hai loại mười hai nhân duyên diệt. Quyền trí của Viên giáo tức thông chiếu v.v... Thật trí “không biên” của Biệt giáo và Thông giáo tức chiếu soi hai loại mười hai nhân duyên diệt có thể nghĩ bàn còn Thật trí “bất không” thì chiếu soi mười hai nhân duyên không thể nghĩ bàn. Thật trí “không biên” của Viên giáo vào Thông giáo thì giống như trên, còn Thật trí “bất không” thì chiếu soi mười hai nhân duyên diệt không thể nghĩ bàn. Thật trí của Biệt giáo chiếu soi hai loại mười hai nhân duyên diệt không thể nghĩ bàn. Thật trí của Viên giáo chiếu soi hai loại mười hai nhân duyên diệt không thể nghĩ bàn v.v... Bốn Quyền trí trước tức chiếu soi hai đế khổ và tập thuộc Sanh diệt, Vô sanh diệt Tứ đế. Lại nữa, ba Quyền trí chiếu soi khổ, tập thuộc Vô lượng, Vô tác Tứ đế. Hai Thật trí chiếu soi “diệt và đạo có thể nghĩ bàn”. Lại nữa, năm Thật trí chiếu soi “hai đế diệt và đạo không thể nghĩ bàn”.

Năm loại ba trí chiếu soi mười pháp giới tức là: Năm loại “đạo chủng trí” chiếu soi tánh, tướng bản mặt v.v... của sáu đường. Năm loại Nhất thiết trí chiếu soi tướng bản, mặt v.v... của hàng Nhị thừa và Bồ-tát. Năm loại Nhất thiết chủng trí chiếu soi tánh tướng v.v... thuộc mười như của pháp giới Phật.

Lại nữa, năm loại ba trí chiếu soi bốn loại mười hai nhân duyên: Năm loại hữu trí chiếu soi hai loại mười hai nhân duyên có thể nghĩ bàn, năm loại Nhất thiết trí chiếu soi hai loại mười hai nhân duyên diệt có thể nghĩ bàn, lại chiếu soi mười hai nhân duyên không thể nghĩ bàn, năm loại Nhất thiết chủng trí chiếu soi hai loại mười hai nhân duyên diệt không thể nghĩ bàn. Năm loại ba trí chiếu soi bốn loại Tứ đế tức năm thứ Đạo chủng trí chiếu soi hai loại khổ, tập thuộc Sanh diệt và Vô sanh diệt Tứ đế, năm loại Nhất thiết trí chiếu soi hai đế đạo, diệt thuộc Sanh diệt và Vô sanh diệt, Tứ đế cũng chiếu soi khổ, tập thuộc Vô lượng và Vô tác Tứ đế năm loại Nhất thiết chủng trí chiếu soi diệt, đạo thuộc Vô lượng và Vô tác Tứ đế.

Năm loại ba trí chiếu soi “bảy loại hai đế” nghĩa là năm loại Đạo chủng trí chiếu soi bốn loại Tục đế, năm loại Nhất thiết trí chiếu soi hai loại Chơn đế, cũng chiếu soi ba loại Tục đế của “Biệt giáo, Viên giáo nhập vào Biệt giáo Viên giáo, năm loại Nhất thiết chủng trí chiếu soi “năm loại Chơn đế”, Một như thật trí chiếu soi tánh tướng mười như thuộc cảnh giới Phật, lại chiếu soi “mười hai nhân duyên không thể nghĩ bàn”, lại là chiếu soi Vô tác Tứ đế, chiếu soi năm loại Chơn đế, lại chiếu soi năm loại trung đạo, Đệ nhất nghĩa đế, vô đế, vô thuyết cùng hợp với “mười tánh, tướng như, cùng hợp với mười hai nhân duyên diệt không thể nghĩ bàn, cùng hợp với bốn loại bất sanh bất sanh, cùng hợp với Chơn đế không có ngôn thuyết, cùng hợp với trung đạo, chẳng phải sanh tử, chẳng phải Niết-bàn. Các trí như vậy... truyền tiếp nhau chiếu soi “đế” và nếu đế viên dung thì trí tức liền viên dung. Đế và trí viên dung thì gọi đó là diệu. Như các điều này v.v... đều là dùng phương tiện, ngôn thuyết mà gọi là diệu và không diệu. Khi kiến lý thì không có quyền, thật và chẳng phải quyền chẳng phải thật, cũng không có diệu và “không diệu”. Vì thế xứng là Diệu. Bảy loại hai đế, năm loại ba đế cùng cách nhau, cùng hòa nhập nhau, các cảnh khác cũng có ý này. Bảy loại hai trí, năm loại ba trí đã cùng cách nhau, cùng hòa nhập nhau thì các trí khác cũng có ý này. Theo thông lệ thì tự có thể hiểu rõ v.v...

- Nói về Hành diệu được phân làm hai: Một là: Tăng số hành theo cách thông thường. Hai là: Tăng số hành căn cứ theo Giáo. Phạm nói Hành tức có nghĩa “tiến đến”, nếu không phải trí thì không thể tiến đến trước. Trí hiểu rõ dẫn dắt Hành, hiểu sai cảnh thì hành bất chánh. Mất trí, chân đi (hành) đến ao thanh lương mà hiểu rõ là căn bản của Hành, Hành có khả năng thành tựu trí, cho nên hành trọn vẹn thì trí viên mãn. Trí có khả năng hiển bày lý nên khi lý cùng tận thì trí dứt. Như sự tương quan cần thiết này là quy tắc chứ không phải là diệu Hành. Diệu Hành là hành tức tất cả hạnh đồng nhất. Như kinh nói “Vốn từ vô số Phật đầy đủ hành các đạo. Lại nói “Từ chỗ vô lượng các đức Phật hành đạo thâm diệu”. Lại nói “Hành trọn vẹn hết đạo pháp của Chư Phật vốn có thì đã đầy đủ lại sâu xa”. Lại đầy đủ hết tức là sâu rộng, lại cao xa, là rốt ráo. Diệu hạnh này và cảnh trí trước chỉ một mà luận làm ba và ba mà luận là một. Cảnh trước nói như “pháp tướng” và pháp tướng cũng đầy đủ ba thứ nên gọi là “tạng bí mật”. Trí trước là như “pháp tướng” mà hiểu và hiểu cũng đầy đủ ba thứ như “trên khuôn mặt có ba con mắt”. Nay hành là “sở hành” như hành đã nói cũng đầy đủ ba thứ nên gọi là như “ba nét của một chữ Y”. Do hoặc ba hoặc một nhưng đều không có khuyết giảm

cho nên gọi là diệu hành. Trước đối với cảnh để nói rõ trí và nay cũng đối trí để nói rõ hành. Nếu trực tiếp đối “Nhất chủng trí” để tăng trưởng số lượng mà nói rõ hành tức hành như “vi trần” nói không thể hết, huống hồ đối với các trí đều dẫn dắt các hành thì mênh mông như “hư không” được ý mà mất lời và lại không thể nói. Thích Luận nói “khi Bồ-tát hành Bát-nhã thì dùng một pháp làm hành thu nhiếp tất cả hạnh, hoặc vô lượng một pháp, để hành thu nhiếp tất cả hạnh, hoặc dùng hai pháp để hành thu nhiếp tất cả hạnh, hoặc vô lượng hai pháp để hành thu nhiếp tất cả hạnh cho đến dùng mười pháp, trăm pháp, ngàn pháp, vạn ức pháp để hành thu nhiếp tất cả hạnh; hoặc dùng vô lượng mười pháp, trăm ngàn vạn ức pháp để hành thu nhiếp tất cả hạnh”. Hành tuy rất nhiều nhưng vẫn lấy trí làm căn bản. Trí như người dẫn đường, hành như người buôn bán, trí như kim bén nhọn, hành như tấm vải dài. Trí ngự trị trên “xe trâu đi” tức được an ổn để đưa đến chỗ cần thiết. Dùng số các hạnh tăng trưởng này được dẫn dắt bởi “đế trí” của “mười như” trước, cho đến được dẫn dắt bởi một đế Thật trí. Nếu đạt được ý này tức là dùng chánh trí dẫn dắt, các hành đi vào trong “chánh cảnh”. Nghĩa này chỉ có thể ngầm biết chứ không thể ghi chép v.v...

Thứ hai: Căn cứ ở Giáo tăng số hành: Nếu Tam Tạng giáo tăng thêm số để nói rõ hành tức như trong kinh A-hàm nói “Phật bảo Tỳ kheo! Phải nên tu nhất hành. Ta minh chứng cho các ông đạt được bốn quả Sa môn tức là tâm không có phóng dật. Nếu hay hộ trì tâm không phóng dật thì hành rộng rãi, diễn nói rộng khắp tức các việc làm đã làm xong có thể chứng được Niết-bàn”. Đức Phật lại bảo: “Tỳ kheo nên tu nhất hành nghĩa là không lấy vật của người khác. Tỳ kheo bạch Phật: Con đã biết rồi. Phật nói: Các ông biết thế nào? Tỳ kheo bạch Phật: Vật của người khác tức là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Phật bảo: Hay thay! Nếu không lấy sáu vật này tức là mọi việc đã làm xong có khả năng chứng đạt Niết-bàn. Nói hành rộng rãi, diễn nói rộng khắp tức là dùng tâm không phóng dật trải qua tất cả pháp. Nghĩa là ba cõi, sáu trần đều tiếp xúc bằng tâm không phóng dật nên đạt đến Niết-bàn.

Tăng thêm hai số pháp để nói rõ hành tức như kinh A-Hàm nói “Tỳ kheo sống trong A-lan-nhã phải tu hai pháp làm hạnh, nghĩa là tu Chỉ và Quán. Nếu khi tu Chỉ tức liền có thể dứt trừ các điều ác khiến giới luật, oai nghi và các hành cấm giới đều không mất nên thành tựu các công đức. Nếu khi tu Quán tức liền có thể quán rõ khổ, thấy biết như thật về nó; quán khổ tập, khổ tận, khổ xuất yếu và biết như thật về nó nên đạt được “Lậu tận trí” mà không còn thọ thân đời sau nữa” Hằng

tát a kiệt cũng tu như vậy.

Tăng ba số pháp để nói rõ hành tức là Giới, Định, Tuệ. Ba pháp này là nền tảng của xuất thế, là pháp tắc oai nghi của Phật pháp. Giới kinh nói “chớ làm các điều ác, hãy làm các việc lành, giữ tâm ý trong sạch, ấy lời chư Phật dạy” Các điều ác tức là bảy chi với tội lỗi nặng nhẹ sai trái. Trong năm bộ luật có nói rõ tướng ấy. Như vậy Giới để đề phòng, ngăn chặn các điều ác như vậy. Các điều thiện tức là ba nghiệp thiện hoặc tán loạn hoặc yên tĩnh. Các rừng chi công đức của phương tiện trước sau đều là trong sáng, hưởng thụ cho nên nói là thiện. Giữ tâm ý mình trong sạch tức là phá trừ các thứ tà kiến điên đảo biết rõ nhân quả của thế gian và xuất thế gian. Các pháp môn chính và hỗ trợ, có khả năng tiêu trừ tâm cấu nhiễm, làm thanh tịnh các sự dơ uest. Như vậy há vượt qua trí tuệ! Tuy biến Phật pháp rộng lớn nhưng đều thu nhiếp trong ba pháp này. Nếu hiểu được ý này thì bốn, năm, sáu, bảy cho đến trăm ngàn vạn ức pháp để hành thu nhiếp tất cả hạnh cũng như vậy. Đây gọi là bậc hạ trí dẫn dắt hành.

Tăng số hành của Thông giáo tức là không có ấn định vào một bộ kinh này để phán quyết Thông giáo chỉ dùng các pháp môn cùng học của ba thừa để chỉ ra đâu làm Thông giáo. Nay tạm dẫn chứng số tăng trưởng của Thích luận để chỉ rõ tướng ấy. Luận nói “Bồ-tát khi hành Bát-nhã tuy biết một tướng của tất cả pháp nhưng cũng biết các loại tướng của tất cả pháp, tuy biết các loại tướng của tất cả pháp nhưng cũng biết một tướng của tất cả các pháp? Thế nào gọi là quán sát một tướng của tất cả pháp? Đó là quán sát tất cả pháp không có tướng. Như bốn đại mỗi thứ đều không lia nhau: Trong đất có chứa nước, lửa, gió chỉ là đất nhiều nên lấy đất đặt tên. Nước, lửa, gió cũng lại như vậy. Nay quán sát tướng không có khác này, nếu trong “lửa” có ba đại thì ba đại này đều bị thiêu đốt, còn nếu ba đại tồn tại trong lửa thì có hai đại không bị đốt cháy nên không gọi là lửa. Nếu ba đại đều bị thiêu đốt tức ba đại đều xả bỏ tự tánh nên gọi là “lửa” và không còn ba đại hiện hữu. Nếu nói có ba đại nhưng vì quá vi tế nên không biết thì điều này cùng với “không có” có khác gì! Nếu biết có thô tức biết có vi tế. Nếu không có thô thì tế cũng không có Như vậy các tướng ở trong lửa đều không thể đạt được, tướng của tất cả pháp cũng không thể đạt được, cho nên tất cả pháp đều là một tướng. Điều này tức dùng một tướng để phá tướng khác. Lại dùng “vô tướng” để phá một tướng và “vô tướng” cũng tự diệt. Như lửa thiêu đốt cây củi rồi cũng lại tự thiêu đốt. Đây tức là quán sát tất cả pháp chỉ có một tướng tức là “vô tướng”. Như vậy vô

lượng tất cả pháp tất đều có một tướng và một tướng tức là “vô tướng”. Hoặc dùng hai pháp để hành thu nhiếp tất cả hạnh cho đến trăm ngàn vạn ức pháp để hành thu nhiếp tất cả hạnh. Do đó, có thể dùng ý này để hiểu rõ chứ không cần ghi chép thêm.

Tăng số hành của Biệt giáo nghĩa là như Thiện Tài nhập vào pháp giới đi đến chỗ một vị thiện tri thức lắng nghe một pháp để hành hoặc Tam muội như huyễn, hoặc gieo mình từ núi cao, hoặc nhảy vào lửa v.v... khiến phát khởi tâm Bồ-đề. Một hạnh và đủ loại hạnh đều nói rằng: Phật pháp như biển. Tôi chỉ biết một pháp môn này còn các thứ khác thì chẳng biết gì, cho đến một trăm mười vị thiện tri thức, mỗi mỗi pháp môn đều như vậy. Mỗi mỗi hạnh này đều phá trừ vô minh để nhập vào cảnh giới thâm sâu. Nếu là hai pháp, ba pháp, trăm ngàn vạn ức pháp v.v... cũng nên như vậy.

Tăng số hành của Viên giáo tức là như kinh Văn Thù Vấn nói “Bồ-tát tu nhất hành Tam muội nên ở trong tịnh thất ngồi Kiết già, buộc duyên pháp giới vào trong “một niệm pháp giới” khiến tất cả vô minh điên đảo vĩnh viễn vắng lặng như “hư không”. Một hạnh này tức là tất cả vô ngại là một đạo thoát ra khỏi sanh tử, của Người ở trong tất cả các pháp dùng “đẳng quán” nhập vào với tuệ hiểu rõ tâm vắng lặng, thì ba cõi đều không gì sánh ví”. Đây chính là một hành thu nhiếp tất cả hạnh. Tăng hai pháp để hành thu nhiếp tất cả hạnh nghĩa là Chỉ và Quán. Tăng ba pháp để hành thu nhiếp tất cả hạnh tức là văn, tư, tu và giới, định, tuệ. Tăng bốn pháp để hành thu nhiếp tất cả hạnh tức là bốn niệm xứ. Tăng năm pháp để hành thu nhiếp tất cả hạnh nghĩa là năm môn thiền định. Tăng sáu pháp để hành thu nhiếp tất cả hạnh nghĩa là sáu pháp Ba-la-mật. Tăng bảy pháp để hành thu nhiếp tất cả hạnh tức là bảy thiện pháp. Tăng tám pháp để hành thu nhiếp tất cả hạnh tức là bát chánh đạo. Tăng chín pháp để hành thu nhiếp tất cả hạnh nghĩa là chín loại đại thiền định. Tăng mười số pháp để hành thu nhiếp tất cả hạnh nghĩa là mười cảnh giới, hoặc mười pháp quán thành “thừa v.v... tăng trăm số pháp, ngoài vạn ức số pháp, A-tăng-kỳ pháp môn không thể nói để hành há có thể ghi đủ hết! Nếu lãnh hội được ý này ví như có thể hiểu, tuy nhiên số tăng để nói rõ hạnh để hành không giống nhau nên cần phán quyết thô và diệu. Nếu Tam tạng giáo tăng số các hành lấy trí sanh diệt dẫn đường thì chỉ kỳ vọng thoát khổ và dừng nghỉ ở “hóa thành” cho nên là thô. Tăng số các hành của Thông giáo với Thể trí tuy khéo léo nhưng chỉ dẫn đường thoát khổ và đoạn diệt là giống nhau... Tăng số các hành của Biệt giáo được trí dẫn đường thì xa, do tự



có cấp độ sâu cạn mà các hành cách biệt, sự lý không viên dung cho nên gọi là thô. Tăng số các hành của Viên giáo do hành thông suốt trí viên mãn cho nên gọi là diệu. Nay kinh này thuộc tăng số hành của Viên giáo. Quán kinh nói “ở trong hai mươi một ngày, nhất tâm tinh tấn”. Đây là xét trên một pháp mà luận về hành diệu. “Nếu đi hoặc ngồi mà tư duy về kinh này” tức là xét trên hai pháp mà luận về hành diệu. “Hoặc nghe kinh này rồi suy nghĩ tu tập khéo hành đạo Bồ-tát” tức là xét trên ba pháp mà luận về hành diệu. “Bốn hạnh an lạc” tức là xét trên bốn pháp mà luận về hành diệu. “Năm phẩm đệ tử” tức là xét trên năm pháp mà luận về hành diệu. “Sáu căn thanh tịnh” tức là xét trên sáu pháp mà luận về hành diệu. Tất cả như vậy v.v... tức là đối đãi thô mà luận về diệu.

Nói đến khai mở thô mà luận về diệu nghĩa là “cúi đầu, chấp tay, đắp đất, sấp đá, đều thành Phật đạo”. Tuy nói nhiều loại pháp nhưng thật sự chỉ có một thừa. Do các hạnh đều là diệu không có thô nên tuyệt nhiên không có đối đãi. Lại nữa, ước định năm giáo để nói rõ hành diệu được phân làm hai: Trước nói rõ năm hành của Biệt giáo, sau nói rõ năm hành của Viên giáo, năm hành của Biệt giáo là như kinh Niết-bàn nói: Hành theo năm loại tức là Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh, Anh nhi hạnh (hành của em bé), Bệnh hạnh (hành của bệnh tật). Thánh hạnh có ba loại tức giới, định, tuệ. Như kinh nói: Bồ-tát nếu nghe Đại Niết-bàn thì khi nghe rồi liền phát khởi tin tưởng mà suy nghĩ: Các đức Phật Thế tôn có đạo vô thượng, có chánh pháp lớn, có đại chúng sống theo chánh hạnh và từ đó mà lập hạnh. Nếu nghe “Đại Niết-bàn” tức liền tin tưởng vào quả, cũng tin tưởng vào Diệt. “Có đạo vô thượng” tức là tin vào sự hiển bày hạnh quả. “Đạo vô thượng” tức là tin vào trí tuệ. “Có đại chánh pháp” tức là tin vào “định”. “Có đại chúng sống theo chánh hạnh” tức là tin vào “giới”. Đây gọi là tin vào nhân và tin vào Đạo. Nếu tự làm tổn thương mình và chúng sanh tức là phá giới tạo tội, đánh mất sự an vui của trời người và Niết-bàn. Đây chính là biết rõ tập. Nếu qua lại sanh tử thọ nhận nghiệp báo của đường ác tức là biết khổ. Nếu khổ, tập trái nghịch với giới, định, tuệ tức là không có đạo. Do không có đạo cho nên không có Niết-bàn tức là không có diệt. Bồ-tát muốn bạt trừ “tập, khổ” mà khởi đại bi thì phải hưng khởi hai thế nguyện. Nếu muốn cùng “đạo, diệt” mà khởi đại bi thì hưng khởi hai thứ thế nguyện. Phát thế nguyện rồi kế đến tu hành, suy nghĩ hàng tại gia bị bức bách giống như ngục tù không thể trốn đời tu phạm hạnh, thanh tịnh, hàng xuất gia khoáng đạt giống như “hư không” tức liền bỏ

nhà, xa lánh sự ham muốn trần tục mà bạch tứ yết-ma nhận lấy trong giới Tánh, dứt bỏ sự hiềm khích của đời v.v... không có sai biệt, không vì La sát “kiến ái” mà bỏ phao tịnh giới. Như luận Chỉ Quán nói “vì sự trì giới này vốn đầy đủ giới thanh tịnh của nghiệp căn bản, giới thanh tịnh của quyến thuộc trước sau là khác, giới thanh tịnh của giác quán không phải các ác giác, giới thanh tịnh niệm của hộ trì chánh niệm, giới hồi hướng đầy đủ đạo Vô thượng. Căn bản tức là tánh của mười thiện; giới là căn bản của các giới. Vì dùng tâm vô lậu trì giữ cho nên nói là thanh tịnh. Quyển thuộc trước sau và giới thanh tịnh khác nghĩa là Thâu-lan-giá v.v... là quyển thuộc trước còn mười ba v.v... là quyển thuộc sau. Các điều khác là chẳng phải được nêu ra từ Luật tạng mà được góp nhặt các Kinh chế đặt. Như hai mươi bốn giới của Phương Đăng gọi là giới khác. Hai chi này thuộc giới tác pháp, thọ đắc của Luật nghi. Ba chi sau chẳng phải tác pháp mà là đắc pháp. Khi đắc pháp thì phát khởi giới này. Giới thanh tịnh giác quán, chẳng phải ác giác tức là “định cộng giới”. Giới luật không thanh tịnh thì Tam muội không thể hiện ra trước mắt. Vì giới thanh tịnh cho nên sự chướng trừ diệt mà phát khởi được ở vị lai, Tánh chướng được trừ diệt mà phát khởi đạt được căn bản. Diệt trừ ác giác quán thì gọi là “định cộng giới”. Hộ trì chánh niệm nên niệm giới thanh tịnh tức là bốn niệm xứ. Quán lý chánh niệm tuy chưa phát khởi chơn nhưng do tương tự niệm có khả năng phát khởi chơn đạo mà thành “đạo cộng giới” cho nên gọi là “chánh niệm niệm giới thanh tịnh”. Lại nữa, định cộng giới nương vào định tâm phát khởi nên thuộc nghĩa Chỉ thiện còn “đạo cộng giới” nương vào tâm phân biệt mà phát khởi nên thuộc nghĩa Hành thiện, nên biết động và bất động đều là Tỳ-ni. Vì sao? Vì giới luận về “phòng và chỉ” tức đạt được “định cộng tâm” và không còn khởi ác, đạt được “đạo cộng tâm” thì phát khởi chơn thật, vĩnh viễn không có tội lỗi cho nên đều gọi là giới. Giới thanh tịnh hồi hướng đầy đủ về đạo vô thượng tức là Bồ-tát ở trong các giới đều có đủ bốn hồng thệ nguyện và pháp lục độ, do phát nguyện tâm chủ yếu hồi hướng đến Bồ-đề cho nên gọi là “giới đại thừa”. Thệ nguyện rộng lớn là như trước đã nói. “Lục độ” tức là nhằm chán, những điều ác xuất gia xả bỏ những gì đáng yêu nghĩa là Đản (Bố thí). Dù một mảy may không thể hủy phạm để chống đỡ lại “La-sát” tức là Thi (Giới) Khả năng điều tiết tâm yên ổn, nhẫn chịu sự đánh đập, chửi mắng thì gọi là Sanh Nhẫn. Nếu chấp nhận tám ngọn gió như lạnh, nóng, tham, sân, v.v... thì gọi là Pháp Nhẫn, các “ái kiến” không thể làm tổn thương mình tức là Sằn đề (Nhẫn nhục) Giữ gìn, bảo hộ giới, tâm phạm

không thể khởi lên tức là Tinh tấn. Nếu quyết chí trì giới không bị những hồ nghi dối gạt chuyên tâm không động thì gọi là Thiền. Nếu biết rõ nhân quả, biết giới tức là nền tảng chính thuận đến giải thoát đã sanh ra tất cả Thánh nhân trong ba thừa, chẳng phải giới của sáu mươi hai tà kiến như giới chó gà v.v... thì gọi là Bát-nhã. Lại phát nguyện riêng chủ yếu là chế phục tâm mình: “Thà để thân này nằm trên giường sắt nóng, không thể vì phá giới mà thọ nhận giường chiếu của người khác”. Mười hai thệ nguyện dùng để tự chế phục tâm mình. Lại nữa nên phát nguyện: “Nguyện cho tất cả chúng sanh hộ trì giới cấm, được giới thanh tịnh, được giới thiện, giới không thiếu sót, giới không tách rời giới đại thừa, giới bất thối, giới tùy thuận, giới trọn vẹn, giới đầy đủ các Ba-la-mật. Dùng mười nguyện này phòng hộ chúng sanh, Bồ-tát một khi tâm trì giới, thì có bao nhiêu hạnh nguyện đều dùng để trang nghiêm giới và các tâm hành còn lại cũng nên như vậy. Tuy nhiên, mười giới hộ trì người khác phát xuất từ trong năm chi giới của “tự hành”, còn thiện giới, giới cấm, giới thanh tịnh được rút ra từ hai chi quyển thuộc và căn bản, vì sao? Vì thiên tự “tác pháp” tức là giới cấm. Giới cấm nếu phát khởi “vô tác” tức gọi là thanh tịnh. Thanh tịnh tức là “Chỉ thiên” nhưng nói “giới thiện” tức là hành thiện. Từ chẳng phải ác giác mà có giới thanh tịnh giác quán tức khai mở ra giới không thiếu sót. Tuy phòng hộ bảy chi nhưng vẫn còn vọng niệm khởi lên, dẫn đến có thiếu sót. Nếu phát khởi thiên vị lai với sự hành không thiếu sót thì đạt được thiên căn bản tánh hành không khuyết. Từ “hộ trì chánh niệm mà được giới niệm thanh tịnh khai mở ra giới không thể tách rời tức “đạo cộng giới”. Nếu diệt sắc nhập vào “không” tức là chia chẻ pháp. Đạo cộng giới nay thể pháp nhập vào “không” cho nên gọi là không thể tách rời. Lại nữa, bên trong nội tâm có “đạo cộng giới” nên giới phẩm trở nên kiên cố không thể phá tách rời ra được. Từ “giới hồi hướng đầy đủ về đạo vô thượng” mà khai mở ra giới đại thừa không thối chuyển tùy thuận, trọn vẹn đầy đủ các Ba-la-mật. Nói giới đại thừa tức là Bồ-tát trì giữ tánh giới làm trọng nên đối với sự quở trách, hiềm khích v.v... đều không có sai biệt, tự mình cầu tánh Phật đạo làm trọng là việc cấp bách, vì giáo hóa sự chê bai hiềm khích của chúng sanh tức là cấp bách. Hàng tiểu thừa tự điều phục tánh giới làm trọng là việc cấp bách, không độ người khác cho nên chê bai hiềm khích tức là chậm. Bồ-tát giữ đủ cả hai (tự độ và độ tha) cho nên gọi là giới đại thừa. Giới không thoái chuyển tức là hành phương tiện khéo léo, ở cảnh chẳng phải Đạo như ở lầu xanh, quán rượu, những chỗ phi pháp v.v... luôn luôn vì độ người mà giữ gìn

giới cấm không để thoái mất. Như thầy thuốc chữa bệnh không bị nhiễm bởi bệnh nên gọi là không thoái chuyển. Giới tùy thuận tức là thuận theo căn cơ của chúng sanh và tùy thuận đạo lý cho nên gọi là giới tùy thuận. Giới trọn vẹn là đối với pháp cứu cánh vô thượng trong suốt mọi thời gian. Đầy đủ Ba-la-mật giới tức là đối với tất cả viên mãn, trong khắp mọi cảnh giới không có pháp nào là không đầy đủ. Đại luận cũng nói rõ mười loại giới: Không phá, không thiếu sót, không xuyên tạc và không có lẫn lộn bốn loại tức là cấm giới, giới thiện, giới không thiếu sót, và giới thanh tịnh trong “chi căn bản” của Đại kinh. Luận nói tùy đạo giới tức là giới không thể tách rời trong chi hệ trì chánh niệm của Đại kinh. Luận nói giới không chấp trước tức là giới không thoái chuyển trong chi hồi hướng của Đại kinh. Luận nói giới được người trí khen ngợi tức là Đại kinh nêu ra giới đại thừa. Luận nói giới tự tại tức là giới tự tại thuộc Đại kinh nêu ra. Luận nói tùy định giới tức là giới tùy thuận thuộc Đại kinh. Luận nói giới đầy đủ tức là giới Ba-la-mật của Đại kinh. Đại kinh nêu ra “giới trọn vẹn” tức Luận nói “tùy định”. Đây tức phần lớn giống nhau, có một ít tuy khác mà nghĩa không sai. Kinh Niết-bàn biện rõ Thánh hạnh, Thứ đệ, và Bồ-tát nên nêu ra đủ các giới từ cạn đến sâu trước sau, đầy đủ, khéo có thể hệ trì tức là nhập vào địa Bất động ban đầu. Do bất động, không thoái lui, không rơi đọa, không tán loạn cho nên gọi là Thánh hạnh. Giới hành của bậc Thánh đã từ ban đầu nông cạn cho đến thâm sâu nên nay vẫn phán quyết sự thô và diệu của giới. Ba giới: giới cấm, giới thanh tịnh và giới thiện thuộc về Luật nghi. Luật nghi để thu nhiếp chung các chúng, là cơ sở để định thứ bậc tôn ti. Tuy có Phật, Bồ-tát nhưng không có lập chúng riêng biệt cho nên giới pháp đồng nhau, chỉ khác nhau là tâm Bồ-đề quả Phật mà thôi. Vì thế, biết ba giới của Luật nghi là thuộc về Tam tạng giáo. Giới không thiếu sót tức là định cộng giới, còn căn bản Thiền là sự cũng thuộc về Tam tạng giáo, cho nên gọi là thô. Giới không tách rời là Thể pháp, là đạo cộng giới tức thuộc về Thông giáo. Giới đại thừa giới không thoái chuyển v.v... là thuộc về Biệt giáo, cũng kiêm luôn Thông giáo. Thông giáo có xuất ra Giả quán tùy vào căn cơ mà thuận đạo lý nên ở đạo không thoái lui nhưng còn, nương vào Chơn đế nên không sánh bằng người của Biệt giáo cho nên người Biệt giáo trở thành diệu. Giới tùy thuận, trọn vẹn, đầy đủ v.v... là thuộc về Viên giáo tức không khởi diệt định mà hiện các oai nghi, không bỏ đạo pháp mà hiện sự tướng phạm phu nên gọi là tùy thuận. Chỉ có Phật đầy đủ giới thanh tịnh còn những người khác đều gọi là giới “nhiễm” cho nên gọi là giới trọn vẹn. Giới

---

là pháp giới đầy đủ tất cả pháp của Phật và pháp của chúng sanh. Do dẫn đến “bờ bên kia” của Giới cho nên gọi là đầy đủ giới Ba-la-mật. Ngài Tịnh Danh nói “người ấy có thể như vậy, gọi là “phụng trì luật”. Đây cũng gọi là “khéo hiểu”. Kinh này nói “chúng ta suốt đêm trì giữ giới pháp thanh tịnh của Phật. Bậc pháp vương lâu tu phạm hạnh từ xưa, đến nay mới đạt được quả báo ấy”. Lại nói “Mật hạnh của La hầu la chỉ có Ta mới biết được”. Như vậy, há chẳng phải đối đãi với các giới trước đều là thô còn Viên giáo là diệu! Lại nữa trì giới ban đầu như sữa, trung gian như ba vị giáo (lạc, sanh tô và thực tô) và sau như vị “đề hồ” mà đề hồ là vi diệu .v.v...

Nói về khai mở thô để hiển bày diệu nghĩa là như có người khác nói: Phạm vọng là giới của Bồ-tát, nay hỏi giới của Bồ-tát là gì? Người kia nếu đáp rằng: Giới của Bồ-tát thuộc Tạng giáo và Thông giáo v.v... thì nên riêng có chúng Bồ-tát. Chúng đã không có riêng biệt thì giới sao được là khác! Lại nếu có riêng biệt nêu ra giới của Bồ-tát thì những gì là có giới riêng biệt của Duyên giác! Nay nói rõ ba thừa của Tam tạng giáo không có chúng riêng biệt nên không thể có giới của Bồ-tát và Duyên giác riêng biệt. Nếu để giải thích giới Bồ-tát của Biệt giáo và Viên giáo thì có thể đúng. Vì sao? Vì ngoài chúng Ba thừa chung thì riêng có Bồ-tát nên có giới riêng. Hỏi: Ngoài chúng ba thừa thì riêng biệt có giới Bồ-tát còn giới Duyên giác là sao? Đáp: Ngoài chúng ba thừa không có Duyên giác riêng biệt. Điều này cũng giống như giới thô đối đãi! Việc khai mở thô là người học Tỳ-ni: tức là đại thừa học Thức Xoa. Thức xoa tức là đại thừa Đệ nhất nghĩa. Như ánh sáng chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng. Tam quy, Ngũ giới, Thập thiện, hai trăm năm mươi giới đều là Ma-ha diễn thì há có giới thô ngăn cách giới diệu. Giới vốn là diệu nên người cũng lại như vậy. Kinh nói “người thiệt là con ta” tức là nghĩa này. Đây gọi là giới vi diệu, tuyệt dứt đối đãi.

